

Số: 67/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 41, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ: tòa nhà V, số H L, phường L (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Hoàng L, chức danh: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý;

Người nhận uỷ quyền lại: anh Dương Kim C, là cán bộ xử lý nợ; địa chỉ: V1 chi nhánh Q1, S dự án Times Garden H, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

- Công ty cổ phần M; địa chỉ: tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Công T, chức danh: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Duy T1, là Trưởng phòng Xử lý nợ miền B.

Người nhận ủy quyền lại: ông Nguyễn Đăng L1, là Trưởng bộ phận Xử lý nợ; bà Nguyễn Thị Minh T2, là Chuyên viên Xử lý nợ; bà Nguyễn Bảo L2 - Chuyên viên xử lý nợ; đều có địa chỉ tại: S dự án Times Garden H, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn: chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989 và anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; đều thường trú tại: thôn A, xã H, tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú: tổ G, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả:

Theo Hợp đồng cho vay số LN2309180282725 (LD2327500792) ngày 29/9/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180284708 (LN2327500692) ngày 29/9/2023; Hợp đồng cho vay số LN2309180285214 (LD2327501472) ngày 29/9/2023; Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-6335606; Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-7359356 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Đ; Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-MARS, Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-MARS mã số: PL01.2/HĐ03; Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2025/VPB-MARS ngày 28/3/2025; Phụ lục 01 Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2025/VPB-MARS, mã số PL01.2/HĐ ngày 28/3/2025, giữa Công ty cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 14/11/2025) số tiền là: 348.161.427 (ba trăm bốn mươi tám triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi bảy) đồng; bao gồm: nợ gốc là 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng, lãi trong hạn là: 2.721.608 (hai triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm linh tám) đồng, lãi quá hạn là 65.083.399 (sáu mươi lăm triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi chín) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 356.420 (ba trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi) đồng.

Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 04/11/2025) số tiền là: 6.993.508.803 (sáu tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, năm trăm linh tám nghìn, tám trăm linh ba) đồng; bao gồm: nợ gốc là 5.559.657.200 (năm tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm) đồng, lãi trong hạn là: 51.710.517 (năm mươi một triệu, bảy trăm mười nghìn, năm trăm mười bảy) đồng, lãi quá hạn là 1.370.719.449 (một tỷ, ba trăm bảy mươi triệu, bảy trăm mười chín nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là

11.421.637 (mười một triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi bảy) đồng.

2.2 Về thời hạn trả nợ:

- Ngày 15/11/2025, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 04/11/2025) số tiền là: 348.161.427 (ba trăm bốn mươi tám triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/11/2025.

- Ngày 15/11/2025, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ phải trả Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 04/11/2025) số tiền là: 6.993.508.803 (sáu tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, năm trăm linh tám nghìn, tám trăm linh ba) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/11/2025.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 04/11/2025) cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo mức lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2309180282725 (LD2327500792) ngày 29/9/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180284708 (LD2327500692) ngày 29/9/2023; Hợp đồng cho vay số LN2309180285214 (LD2327501472) ngày 29/9/2023; Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-6335606; Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-7359356 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Đ.

2.4 Trường hợp đến hạn mà anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền là: 348.161.427 (ba trăm bốn mươi tám triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/11/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V và số tiền là 6.993.508.803 (sáu tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, năm trăm linh tám nghìn, tám trăm linh ba) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/11/2025 cho Công ty cổ phần M thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1053,8m² đất, thửa đất số 327, tờ bản đồ số 55; địa chỉ: thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 098320, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH67596, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 06/12/2021.

2.5 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M thì anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180284708 (LD2327500792) ngày 29/9/2023; Hợp đồng cho vay số LN2309180285214 ngày 29/9/2025; Hợp đồng cho vay số LN2309180282725

ngày 29/9/2025; Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-6335606; Hợp đồng thế tín dụng số 379-P-7359356.

2.6 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Công ty cổ phần M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ) và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (đối với số tiền 348.161.427 đồng, anh Q và chị Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V), số tiền là: 17.408.071 (mười bảy triệu, bốn trăm linh tám nghìn, không trăm bảy mươi một) đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (đối với số tiền 6.993.508.803 đồng, anh Q và chị Đ phải trả cho Công ty cổ phần M), số tiền là: 114.993.509 (một trăm mười bốn triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm linh chín) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 57.193.000 (năm mươi bảy triệu, một trăm chín mươi ba nghìn) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000613 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8- Hưng Yên).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- **Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;**
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An

